

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 15/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 21

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Bắt đầu từ hôm nay, tôi sẽ giảng kinh văn phẩm thứ sáu:

PHÁT ĐẠI THỆ NGUYỆN

Phẩm kinh văn này là phẩm cốt lõi quan trọng nhất của toàn kinh, do chính bổn sư A-di-đà Phật tuyên nói, Thích-ca Mâu-ni Phật thuật lại. Phật Thích-ca thuật lại cũng như A-di-đà Phật đích thân tuyên nói, không có khác biệt. Mỗi chữ mỗi câu của toàn kinh đều liên quan đến 48 nguyện, đều là phần thuyết minh và giảng giải cho 48 nguyện, là chỗ y cứ, căn cứ ban đầu của tất cả các kinh luận Tịnh độ, là chân kinh của Tịnh độ, cũng được xem là bản hiến chương lớn của thế giới Tây Phương Cực Lạc, mà chúng ta còn gọi là hiến pháp.

Phẩm kinh văn này là tỳ-kheo Pháp Tạng tuân theo lời dạy của thầy ngài là Thế Tự Tại Vương Như Lai, ở trong pháp hội, tuyên nói những đại nguyện mà chính ngài đã phát, được gọi là “đại nguyện vương.” Có thể thấy những đại nguyện mà tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát khi còn ở nhân địa vô cùng thù thắng. Công đức của 48 nguyện thành tựu, quy kết về Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là Nam-mô A-di-đà Phật.

Do thệ nguyện không thể nghĩ bàn, nên hết thảy diệu pháp phương tiện độ sanh đều nằm trong đại thệ nguyện này, không có pháp nào tiện lợi hơn pháp này. Các loại pháp độ sanh tiện lợi trong lục độ vạn hạnh đều nằm trong tiếng Phật hiệu sáu chữ hồng danh, hơn nữa còn là pháp ôn hòa nhất, vạn người tu, vạn người đi. Do vậy, biển đại thệ nguyện chính là kho phương tiện.

Pháp môn công đức không thể nghĩ bàn này bắt nguồn từ biển nguyện không thể nghĩ bàn. Hết thảy công đức, hết thảy sự thù thắng, hết thảy phương tiện đều từ biển đại nguyện không thể nghĩ bàn của Di-đà.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Pháp Tạng bạch rằng: “Ngưỡng mong Thế Tôn, từ bi lắng nghe và soi xét.”

Tỳ-kheo Pháp Tạng hướng về Phật bạch rằng: “Ngưỡng mong Thế Tôn, từ bi lắng nghe và soi xét.” Kính thỉnh Thế Tôn rũ lòng từ bi lắng nghe và soi xét cho con.

Khi đó, danh hiệu của Phật thời tỳ kheo Pháp Tạng là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, danh hiệu này rất có ý nghĩa, nó là biểu pháp, biểu pháp gì vậy? Biểu thị cho sự đặc biệt của pháp môn Tịnh độ, đó chính là có thể tu hành tự tại ngay trong thế gian. Đại triệt đại ngộ trong Thiền tông cũng có thể như vậy, nhưng có được mấy người đại triệt đại ngộ? “Trúc dày không ngăn nước chảy qua”, trúc có dày đặc đến đâu cũng không ngăn được dòng nước chảy qua. Cho dù công việc có bận đến đâu, đều có thể ung dung niệm Phật. Do vậy Tịnh tông không cần phải xuất gia, bạn có thể làm bất kỳ công việc gì, “không bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp, không rời Phật pháp mà hành thế pháp”. Chứng đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Con nếu chứng đắc Vô thượng bồ-đề, thành Chánh giác rồi, nơi cõi Phật ấy, có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, không thể nghĩ bàn. Không có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, các loài côn trùng bay bò. Tất cả mọi chúng sanh, cho đến cõi Diêm-ma-la, trong ba đường ác sanh về cõi con, nhận pháp giáo hóa của con, đều thành A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, không堕 vào đường ác nữa. Nếu được như nguyện, con mới làm Phật; nếu không được như nguyện, con không thành Vô thượng chánh giác.

Mời xem năm câu kinh văn đầu:

“Con nếu chứng đắc Vô thượng bồ-đề, thành Chánh giác rồi, nơi cõi Phật ấy, có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, không thể nghĩ bàn.”

Năm câu này là lời tán thán chung cho thế giới Cực Lạc.

“Con” là tỳ-kheo Pháp Tạng tự xưng. Ngài nói, khi con thành Phật, cõi Phật mà con ở “đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, không thể nghĩ bàn”.

“Đầy đủ” là hàm nhiếp tất cả, nghĩa là viên mãn, không có thiếu sót.

“Vô lượng” là không thể dùng con số để biểu thị. Cõi Phật này có công đức thù thắng và sự trang nghiêm thanh tịnh trùm khắp mọi nơi, hàm nhiếp tất cả, không có thiếu sót, không gì chẳng đủ, không thể dùng số lượng để biểu thị.

Tất cả những điều này đều vượt ngoài tình kiến, “không thể nghĩ bàn”. “Không thể nghĩ” là chỉ đầu óc con người không thể nghĩ đến; “không thể bàn” là chỉ lưỡi con người không nói ra được. Đầu óc và lưỡi của con người đều không dùng được, những gì suy nghĩ và tư duy đều không đúng, những gì nói ra cũng hoàn toàn không đúng. Phàm có lời nói thì đều không phải là nghĩa chân thật. Công đức của thế giới Cực Lạc chẳng thể suy lường phân biệt mà có thể hiểu được, cũng không thể biểu đạt bằng ngôn ngữ văn tự. Cõi nước Cực Lạc công đức trang nghiêm như vậy, không thể nghĩ bàn như vậy. Một thế giới như thế, sao chúng ta lại không đến chứ?

“Không thể nghĩ bàn” là điểm đặc sắc của kinh Hoa Nghiêm.

Bốn pháp giới trong giáo lý Hoa Nghiêm gồm: pháp giới sự, pháp giới lý, pháp giới lý sự vô ngại, pháp giới sự sự vô ngại.

Pháp giới lý là lý thể thực tế, chính là vốn không có một vật.

Pháp giới sự là các loại sự tướng muôn hình vạn trạng, nam nữ già trẻ, đất đai núi sông đều có.

Lý sự vô ngại là điểm chung của Đại thừa, tuy bản thể là tịch, song lại thường chiếu; tuy thường chiếu, nhưng bản thể vẫn là không tịch.

Lý thể không trở ngại việc phát huy của sự tướng, sự tướng không trở ngại sự thuận nhất của lý thể, đây là đạo lý của lý sự vô ngại mà trong các kinh điển Đại thừa đều có.

Duy chỉ sự sự vô ngại là riêng kinh Hoa Nghiêm mới có. Kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bản. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm đều đầy đủ mười huyền môn.

Mười huyền môn của Hoa Nghiêm chủ yếu bao gồm:

1. “Một và nhiều chính là nhau.” Một chính là nhiều, nhiều chính là một; một chính là vô lượng, vô lượng chính là một. Do vậy, một câu Phật hiệu đầy đủ vô lượng vô biên hết thảy các pháp môn.

2. “Lớn nhỏ dung chứa nhau.” Trong căn nhà lớn có thể chứa người, đây là kiến thức thông thường; nếu tôi nói người chứa căn nhà thì mọi người sẽ nghĩ không ra, cảnh giới Hoa Nghiêm chính là như vậy. Núi Tu-di chứa hạt cải, hạt cải chứa núi Tu-di. Vì sao hạt cải lại có thể chứa núi Tu-di? Bởi vì thể tánh của hạt cải là pháp tánh, vạn vật lớn nhỏ đều có cùng pháp tánh, pháp tánh trùm khắp tất cả, bao dung tất cả, cũng tức là trùm khắp mười phương, bao dung vạn hữu,

cho nên núi Tu-di nằm ngay trong hạt cải. Lớn nhỏ dung chứa nhau là do nguyên nhân này.

3. “Rộng hẹp tự tại.” Cảnh giới rộng lớn có thể xuất hiện trong một phạm vi nhỏ hẹp. Ví dụ, tấm gương một thước, có thể soi thấy quang cảnh cách xa mười dặm. Trong cây báu của thế giới Cực Lạc có thể thấy các cõi tịnh độ của chư Phật. Cây báu là hẹp, các cõi tịnh độ của chư Phật là rộng, nhưng đều có thể “thấy được ở nơi cây báu”.

4. “Kéo dài và rút ngắn đồng thời.” Thời gian dài và thời gian ngắn là đồng thời, một vạn năm và một phần mười giây là như nhau. Ông Einstein nói: Thời gian, không gian, vật chất đều là cảm nhận sai lầm của con người. Trên thực tế, chúng ta đang sống trong cảm giác sai lầm, phải mau chóng tỉnh giấc mộng lớn này. Khi bạn của Einstein qua đời, ông đã viết một lá thư tưởng niệm rằng: “Anh đi rồi, chẳng bao lâu nữa tôi cũng sẽ đến.” Thế nhưng thời gian trước và sau này là cảm nhận sai lầm của con người.

5. “Trùng trùng vô tận.” Hai tấm gương soi vào nhau, sẽ chiếu ra vô cùng vô tận những tấm gương. Khi hai người nhìn đối diện nhau, chính là trùng trùng vô tận. Khi tôi nhìn thấy anh ấy, trong con người của tôi sẽ hiện ra hình ảnh của anh ấy, trong con người của anh ấy cũng hiện ra hình ảnh của tôi. Đồng thời, anh ấy nơi con người của tôi, lại xuất hiện hình ảnh của anh ấy. Tôi trong con người của anh ấy cũng bao gồm vô cùng vô tận hình ảnh của anh ấy. Bạn chỉ cần đặt hai tấm gương đối diện nhau, sẽ hiểu được cảnh giới trùng trùng vô tận.

Vì thế giới Cực Lạc có trùng trùng vô tận huyền môn, cho nên công đức trang nghiêm của thế giới này trùng trùng vô tận. Mọi nơi ở thế giới Cực Lạc, một đoá sen phóng ra 36 trăm ngàn ức ánh sáng, trong mỗi ánh sáng lại hiện ra vô lượng Phật, mỗi vị Phật lại có cõi nước, lại có hoa sen, hoa lại phóng quang, trong ánh sáng lại có vô lượng Phật. Một lớp rồi lại một lớp, không có cùng tận, đây chính là cảnh giới Hoa Nghiêm.

Do vậy, chúng ta nên tin sâu rằng, A-di-đà Phật chính là Tỳ-lô-giá-na, cõi Cực Lạc chính là thế giới Hoa Tạng. Tất cả sự trang nghiêm của y báo và chánh báo trong thế giới Cực Lạc đều là cảnh giới sự sự vô ngại không thể nghĩ bàn, mỗi mỗi đều đầy đủ tất cả huyền môn của Hoa Nghiêm. Cho nên nói, cõi nước Cực Lạc đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

6. “Viên minh đầy đủ đức.” Bởi vì cõi nước Cực Lạc đầy đủ cảnh giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm, thế nên đầy đủ vô lượng công đức không thể nghĩ, không thể bàn.

Thứ nhất, “nghe danh được phước.” Vừa nghe danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật liền có thể được phước.

Thứ hai, “nghe danh phát tâm”. Nghe danh hiệu Phật liền chịu phát tâm.

Thứ ba, “mười niệm ắt sanh”. Chỉ tâm tin ưa, niệm mười câu liền sanh về thế giới Cực Lạc.

Cho nên pháp môn Tịnh độ nhiếp cả ba căn, bạn dù khó khăn, bận rộn đến mấy, mỗi ngày chỉ tu mười niệm thì vẫn có thể. Phạm phu vãng sanh Cực Lạc sẽ không còn thoái chuyển, chính là A-bệ-bạt-trí, còn có pháp nào nhanh hơn pháp này. Pháp này ngay cả động vật và tội nhân địa ngục cũng có thể vãng sanh, cho nên là độ khắp. Từ “khắp” này rất quan trọng!

Tổ sư Ấn Quang dạy chúng ta: “Phạm phu sát đất, muốn trong đời này liễu sanh thoát tử, nếu không niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì tuyệt đối không có một pháp nào có thể mãn nguyện.”

Thứ tư, “thấy cây đắc nhãn”. Cây bồ-đề ở thế giới Cực Lạc, nếu có người nhìn thấy, liền chứng vô sanh pháp nhãn, công đức của cây bồ-đề không thể nghĩ bàn như thế. Ví dụ: có người thấy thiền sư giơ nắm đấm, đưa cánh tay lên, lập tức khai ngộ. Cây ở thế giới Cực Lạc càng không thể nghĩ bàn, bất kỳ người nào nhìn thấy cây đều được vô sanh pháp nhãn. Tịnh tông không thể nghĩ bàn chính là ở chỗ này.

Đồng thời cũng vì cõi nước Cực Lạc đầy đủ vô lượng trang nghiêm không thể nghĩ bàn, nên vạn vật trong cõi nước đều trang nghiêm thanh tịnh. Tất cả mọi thứ đều vô cùng trang nghiêm, vô cùng thanh tịnh, tinh vi tuyệt diệu, không gì có thể hơn, hơn nữa vạn vật đều sáng ngời như gương, đều giống như tấm gương, có thể soi chiếu đến mười phương thế giới, và lại ánh sáng tràn ngập hư không. Nếu có chúng sanh tiếp xúc với ánh sáng đều được an lạc, diệt trừ cấu uế, sanh khởi niệm thiện. Vạn vật trong nước đều do diệu bảo hợp thành, hương thơm của chúng xông khắp mười phương thế giới, chúng sanh ngửi thấy mùi thơm, tự nhiên tu tập diệu pháp mà Phật truyền. Cho nên một hạt bụi, một sợi lông ở thế giới Cực Lạc đều là cảnh giới Hoa Nghiêm. Đầy đủ viên mãn tất cả quang minh thanh tịnh, vô lượng vô biên công đức trang nghiêm. Do vậy, năm câu đầu trong lời nguyện biểu thị toàn bộ thế giới Cực Lạc, hết thảy mọi thứ đều là như vậy.

“Nơi cõi Phật ấy, có đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, không thể nghĩ bàn.” Đây hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng là cảnh giới diệu minh của tự tâm mỗi độc giả. Mỗi nguyện đều là vì chúng sanh, mỗi nguyện đều là sự hiển hiện của bản tâm diệu minh của A-di-đà Phật, mỗi một sự tướng đều là câu thanh tịnh. Bồ-tát Thiên Thân nói thế giới Cực Lạc có ba loại trang nghiêm: Phật trang nghiêm, Bồ-tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm. Ba loại trang nghiêm nhập vào một câu pháp, một câu pháp tức là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh tức là trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi.

Mời xem kinh văn:

“Không có địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, các loài côn trùng bay bò.”

Đây là nguyện thứ nhất: trong nước không có đường ác.

Trong cõi Cực Lạc của Phật không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không có ba đường ác. Cầm thú, các loài côn trùng bay bò là chỉ cho đường súc sanh. Địa ngục, Ấn Độ xưa gọi là na-lạc-già hay nê-lê, có bốn ý nghĩa:

1. Chẳng thể vui: khổ cùng cực, không có chỗ nào vui được.
2. Không thể cứu giúp.
3. Tối tăm.
4. Địa ngục.

Địa ngục có bốn loại:

Thứ nhất, địa ngục căn bản: bao gồm tám địa ngục nóng và tám địa ngục lạnh. Tầng thấp nhất trong tám địa ngục nóng được gọi là địa ngục Vô Gián, tội báo phải chịu liên tục không dừng, không có gián đoạn, khổ đau vô lượng.

Thứ hai, địa ngục cận biên: là vùng lân cận bên ngoài mỗi cửa của tám địa ngục lớn.

Thứ ba, địa ngục cô độc: ở trong núi, ngoài đồng trống, dưới gốc cây, trên không trung, vô số chủng loại, chịu vô lượng khổ. Quả khổ của địa ngục, nơi nặng nhất là một ngày ở thế gian mà chúng sanh trong địa ngục đã trải qua tám vạn bốn ngàn lần sanh tử. Nói thêm một câu, vào địa ngục rất dễ. Nhất là người đã thọ giới, cuối cùng lại phá giới; còn có người phỉ báng pháp; hai tông phái chỉ trích lẫn nhau, cố ý đả kích người khác, những điều này đều là nhân của địa ngục!

Hoàng Niệm lão từng nói một đoạn như sau:

“Tôi mong mọi người hãy xem kinh Địa Tạng, có người từng nói kinh này là giả, nguyên nhân có thể là do ở thế gian có lưu truyền hai loại, một loại trong đó không có căn cứ trong Đại tạng kinh. Thế nhưng, trong Đại tạng kinh có kinh Địa Tạng, do Tam tạng sa-môn Thật-xoa-nan-đà thời Đường phiên dịch, có căn cứ rõ ràng, không được nói kinh Địa Tạng hoàn toàn là giả. Những gì trong kinh Địa Tạng nói đều là thật. Không phải các vị thiên vương vì để giáo dục con người, dùng thần đạo để khiến con người sợ hãi. Tôi hy vọng mọi người hãy xem kinh Địa Tạng, mỗi khi đọc bộ kinh này tôi đều rơi lệ bi thương. Khi tôi đọc đến đoạn: tất cả Bồ-tát Địa Tạng Vương ở mười phương thế giới khắp hư không đều tập hợp lại, Thích-ca Mâu-ni Phật dặn dò Bồ-tát Địa Tạng rằng: Nay Địa Tạng, Địa Tạng, nếu chúng sanh chỉ cần có một mảy may nhân thiện, ông đừng để họ vào địa ngục. Thế Tôn hết lần này đến lần khác dặn dò Bồ-tát Địa Tạng Vương, mỗi lần đọc đến đây, tôi đều không cầm được nước mắt.”

Các đồng tu, nghe đoạn này của Hoàng Niệm lão, các bạn có cảm xúc gì? Các bạn có cảm nhận được lòng từ bi vô tận của chư Phật Bồ-tát hay không?

Kẻ đó là “ngạ quỷ”. Ngạ quỷ thường xuyên đói khát, cho nên gọi là ngạ quỷ. Họ thường xuyên cả trăm ngàn năm không nghe thấy tên nước, hưởng hồ là thấy nước, tiếp xúc với nước. Họ nhát gan sợ hãi, cho nên gọi là quỷ. Họ cũng có uy lực, gọi là quỷ thần, có thể giáng họa cho người. Quỷ có thể bắt người, giết người, v.v.. Lại thường bị chư thiên sai khiến cưỡng bức lao động, cho nên quỷ rất khổ. Quỷ không lúc nào không đói, cho nên trong Phật giáo thường phóng diệm khẩu, tức là bố thí thức ăn cho quỷ, làm cho cỗ hống của quỷ mở ra, khiến đồ ăn được bố thí biến thành cam lồ, vậy quỷ mới có thể ăn được. Sau khi cha mẹ hay người thân qua đời biến thành quỷ, chúng ta còn cho rằng đó là chuyện thường tình, mọi người không biết rằng, biến thành quỷ vô cùng khổ. Người tu hành vì sao phải tinh tấn? Bởi vì thân quyền vô lượng kiếp đến nay, lúc nào cũng đang trông đợi chúng ta đi cứu độ họ!

Còn có “súc sanh”. Nay dịch là bàng sanh. “Bàng” có nghĩa là ngang, hình dạng nằm ngang. Mèo chó không giống người, người đứng thẳng, mèo chó thì nằm ngang. Đường súc sanh có khắp mọi nơi, mang lông đội sừng, có vảy, có cánh, có loài sống dưới nước, có loài trên không trung, trên đất liền cũng có. Chúng ăn nuốt lẫn nhau, bạn ăn tôi, tôi ăn bạn, kẻ mạnh nuốt kẻ yếu, chịu khổ vô lượng. Con heo mà chúng ta thường thấy đều phải chịu nỗi khổ của một nhát dao, hơn nữa con cháu của nó cũng đều bị chém cùng giết tận.

Từ những sự việc thường thấy nêu trên thì có thể phần nào hiểu được sức sanh chịu khổ vô tận.

Trong nước Cực Lạc không có ba đường ác, cho nên là Tịnh độ. Kinh A-di-đà nói: “Cõi nước Phật đó không có ba đường ác.” Các loài chim trong nước là do đức giáo chủ Di-đà hóa hiện mà thành. Bởi vì phàm phu vãng sanh vẫn còn thói quen, vẫn thích những cảnh đẹp này. Do vậy, Phật vì thỏa mãn nguyện vọng của mọi người nên đã từ tự tâm lưu xuất ra hoa, quả, chim, âm nhạc và bảy báu v.v..

Mời xem kinh văn:

“Tất cả mọi chúng sanh, cho đến cõi Diêm-ma-la, trong ba đường ác sanh về cõi con, nhận pháp giáo hóa của con, đều thành A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, không堕 vào đường ác nữa. Nếu được như nguyện, con mới làm Phật, nếu không được như nguyện, con không thành Vô thượng chánh giác.”

Đây là nguyện thứ hai: nguyện không堕 đường ác.

“Diêm-ma-la” chính là thế giới của vua Diêm-la. Diêm-ma-la còn dịch là Diêm-ma. Vua Diêm-la cai quản địa ngục, cai quản sanh tử, tội phước, các loại nghiệp báo ở thế gian. Nguyện này tiếp nối nguyện thứ nhất, trong nước không những không có ba đường ác, mà chúng sanh trong nước vĩnh viễn không còn堕 vào ba đường ác nữa, đều thành A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Nguyện này có ba hàm nghĩa quan trọng:

1. Chúng sanh ác đạo cũng có thể vãng sanh.
2. Chúng sanh vãng sanh nhất định đều thành Phật.
3. Người vãng sanh dù có tội nghiệp cực nặng cũng không堕 vào ba đường ác.

Từ trong nguyện này hoàn toàn nêu ra bản tâm đại từ đại bi, đại nguyện đại lực của đức Di-đà. Trong nước Cực Lạc không những không có ba đường ác, mà tất cả chúng sanh trong ba đường ác một khi đã sanh về cõi Phật, nhận được sự giáo hóa của Phật pháp, đều sẽ thành A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, cũng chính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chính là Phật. Trong nước không có đường ác, sau khi vãng sanh, mọi người đều sẽ thành Phật, đây chính là bản nguyện của Phật.

Điều mà mọi người càng nên cảm ơn là “không đọa vào đường ác nữa”. Đến thế giới Cực Lạc rồi, sẽ không còn đọa vào đường ác nữa. Văn của lời nguyện này có thể bác bỏ lời nói phản đối việc mang nghiệp vãng sanh hiện nay. Họ nêu ra ba kinh của Tịnh độ đều không có văn tự rõ ràng về mang nghiệp vãng sanh, thế nên cho rằng nói mang nghiệp vãng sanh là sai lầm. Luận chứng này không những trái với giáo nghĩa của Tịnh độ tông, mà thái độ này cũng trái với khoa học. Trong đại nguyện của đức Di-đà rõ ràng có câu “không đọa vào đường ác nữa”, nếu người vãng sanh mà ác nghiệp đã tiêu trừ hết thì A-di-đà Phật còn cần thêm lời nguyện này vào làm gì! Nên biết rằng, không còn đọa vào đường ác nữa là do nguyện lực của Phật. Họ tuy mang theo tội nghiệp mà đáng lẽ phải vào đường ác, nhưng họ có thể ở cõi nước Cực Lạc siêng tu công đức, lại thêm các loại nhân duyên tăng thượng của Cực Lạc, thành tựu công đức thù thắng, có thể tiêu trừ hết thảy tội chướng, cho nên không còn đọa vào đường ác nữa.

Không đọa vào đường ác nữa, chính là nói với những người mang theo ác nghiệp mà đến. Nếu người đến mà mỗi người đều không có ác nghiệp thì còn nói bạn không đọa vào đường ác nữa để làm gì! Vậy thì lời nói này là dư thừa, tỳ-kheo Pháp Tạng sao có thể nói lời dư thừa, phát nguyện dư thừa cho được? Cho nên đại sĩ Long Thọ nói: “Nếu có thể sanh về nước kia, sau cùng sẽ không đọa vào ba đường ác.” Lời của Bồ-tát Long Thọ cũng là như vậy. Nếu người vãng sanh mà tội nghiệp đã tiêu sạch thì Bồ-tát Long Thọ còn nói lời này làm gì! Đại sĩ Long Thọ được hết thảy mọi người tôn trọng, là tổ sư của tám tông (tám tông gồm: Luật tông, Hoa Nghiêm tông, Thiên Thai tông, Tam Luận tông, Pháp Tướng tông, Chân Ngôn tông, Thiền tông, Tịnh độ tông). Lời của Bồ-tát Long Thọ, mong mọi người hãy hết sức coi trọng.

Nguyện này vô cùng thù thắng:

1. Chúng sanh ở đường ác cũng có thể vãng sanh, hơn nữa không còn đọa vào ba đường ác nữa. Biểu thị tâm bi của đức Di-đà là vô tận.

2. Người vãng sanh đều sẽ thành Phật. Đây là bản tâm của biển đại thế nguyện. Có thể thấy, thánh tâm của đức Di-đà, nguyện nào cũng đều vì chúng sanh, nguyện nào cũng đều mong muốn hết thảy chúng sanh thành Phật. Cuối lời nguyện này là “nếu được như nguyện, con mới làm Phật, nếu không được như nguyện, con không thành Vô thượng chánh giác”. Hiện nay, Bồ-tát Pháp Tạng thành Phật đến nay đã mười kiếp, cho nên hết thảy nguyện này đều đã thành tựu, đều là hiện thực. Thực ra A-di-đà Phật đã thành Phật từ lâu xa, thành Phật mười

kiếp vẫn là thị hiện. Chúng ta chỉ cần như pháp phụng hành thì mỗi mỗi đều có thể hoàn toàn thực hiện.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, khiến họ sanh về cõi con rồi, thân đều có sắc vàng ròng tử-ma. Ba mươi hai loại tướng đại trượng phu. Đoan chánh tịnh khiết, thấy đồng một loại. Nếu hình thể có sai biệt, tốt xấu thì không thành Chánh giác.

Mời xem năm câu kinh văn đầu:

“Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, khiến họ sanh về cõi con rồi, thân đều có sắc vàng ròng tử-ma.”

Đây là nguyện thứ ba: nguyện thân đều có sắc vàng ròng.

Khi con thành Phật, tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới, khi đã làm cho họ sanh về cõi nước con, thân thể đều là sắc vàng ròng tử-ma, đều là thân vàng ròng. Vàng ròng tử-ma là loại vàng tốt nhất. Người Trung Quốc gọi là vàng đỏ. Vàng tốt có màu đỏ, thành phần của vàng đầy đủ.

Vì sao chư Phật đều hiện thân vàng ròng? Đại sư Thiện Đạo nói: người vãng sanh cũng đều hiện thân sắc vàng, bởi vì màu sắc của vàng sáng bóng và thanh khiết; khiến người ta hoan hỷ, hơn nữa vàng không hoen gỉ, không hư hoại. Một miếng sắt sẽ gỉ sét, trở nên xấu xí, thậm chí là mục nát. Rất nhiều thứ ở thế gian cũng không thể sánh với vàng, vì luôn bị mốc, đổi màu, gỉ sét. Vàng không có những khuyết điểm này, cho nên vàng quý giá cũng là ở điểm này. Chư Phật hiện thân vàng ròng là mượn sự không hư hoại, không biến đổi của vàng, để hiển thị cho tướng thường trụ, cho nên hiện thân vàng ròng.

Trong Hội Sớ nói: Sắc vàng biểu thị cho thật tướng trung đạo, bởi vì nhân dân đều như nhau, không có khác biệt, đều là sắc vàng, đôi bên đều bình đẳng. Bình đẳng chính là ý nghĩa của trung đạo.

“Ba mươi hai loại tướng đại trượng phu.”

Đây là nguyện thứ tư: nguyện ba mươi hai tướng.

Trong Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải có giảng giải chi tiết về ba mươi hai tướng, nên không nhắc lại nữa.

Trong Trí Độ Luận nói: Phật hiện ba mươi hai tướng là tùy theo căn khí của chúng sanh Diêm-phù-đề nơi thế gian này mà nói, mà hiện ra. Diêm-phù-đề

là chỉ cho địa cầu. Ngoại đạo ở Ấn Độ xưa tu tập pháp của Phạm Thiên, có thể nhìn thấy ba mươi hai tướng của thiên vương cõi trời, cho nên Phật hiện ra tướng này. Thực ra Phật là vô lượng thù thắng, ba mươi hai tướng chỉ là tướng hiện ra của hóa thân Phật để ứng với căn cơ của chúng sanh cõi này.

Về báo thân Phật, trong Quán kinh nói, A-di-đà Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp. Ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp là tướng của hóa thân Phật hiện ra để thích ứng với trình độ của con người trên địa cầu. Tám vạn bốn ngàn tướng, tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp là tướng của báo thân, vẫn là từ trong pháp thân lưu xuất ra. Pháp thân thật sự thì không thể dùng sắc mà thấy, dùng âm thanh mà cầu. Kinh Kim Cang nói: “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người này hành tà đạo, không thể thấy Như Lai.”

“Đoan chánh tịnh khiết, thấy đồng một loại. Nếu hình thể có sai biệt, tốt xấu thì không thành Chánh giác.”

Đây là nguyện thứ năm: nguyện thân không khác biệt.

Đại sư Đàm Loan nói: Hiện nay trên địa cầu chúng ta có người da vàng, da trắng, da đen v.v. khác nhau, vì khác nhau nên sẽ sinh ra sự phân biệt sai lầm về dân tộc ưu việt, dân tộc thấp kém. Ví dụ trong thế giới này của chúng ta rất rõ ràng, có người cao, người thấp, nên có người này hơn, kẻ kia kém. Người hơn ý vào ưu thế mà chèn ép kẻ yếu, cho nên chiến tranh không ngừng, đúng sai nói tiếp nhau, ý mạnh hiếp yếu, tàn sát người vô tội, tạo tội nghiệp không ngừng, trở thành ác ma, sẽ phải đọa lạc, chìm đắm trong tam hữu, không thể thoát ra. Do vậy Như Lai khởi lên tâm đại bi, phát khởi thế nguyện bình đẳng đại bi thù thắng, nguyện nhân dân trong nước đều là thân vàng ròng, ba mươi hai tướng, đoan trang nghiêm chánh, trong sáng thanh tịnh, “thấy đồng một loại”, không có sai biệt. Cho nên thế giới Cực Lạc không có đúng sai, cao thấp làm duyên gây thoái chuyển.

Tiếp theo xin giới thiệu đơn giản về “tam hữu”:

1. Sự sanh tử trong tam giới có nhân có quả thì gọi là “tam hữu”, gồm:
 - Một, dục hữu: tức sự sanh tử của Dục giới.
 - Hai, sắc hữu: tức sự sanh tử của Sắc giới.
 - Ba, vô sắc hữu: tức sự sanh tử của Vô sắc giới.
2. Bản hữu, đương hữu, trung hữu.

- Bản hữu: chỉ cho thân tâm hiện tại;
- Đương hữu: chỉ cho thân tâm tương lai;
- Trung hữu: chỉ cho thân tâm thọ ở giữa bản hữu và đương hữu.

Hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.